

Số: 919 /NQ-DMC

Hà nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc: Ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC);

Căn cứ Biên bản họp số 585/BB - DMC và Nghị quyết số 586/NQ - DMC ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của DMC,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 946/NQ-DMC ngày 12/5/2015 của Đại hội đồng cổ đông DMC về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP.

Điều 3. Các Ủy viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban/Văn phòng Công ty mẹ - DMC, Giám đốc các Chi nhánh, Người đại diện phần vốn của DMC tại các Đơn vị thành viên và các cổ đông của DMC chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Người được UQ CBTT (03 bản);
- Lưu: VT, TK.HĐQT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Đại Nghĩa

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN
VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP**

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN
VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP**

Hà Nội, tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Định nghĩa.....	3
CHƯƠNG 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY CON, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA DMC.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, công ty con, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của DMC	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của DMC	6
CHƯƠNG 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DMC.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của DMC.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
CHƯƠNG 4: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	11
CHƯƠNG 5: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát.....	11
CHƯƠNG 6: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
CHƯƠNG 7: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	34
CHƯƠNG 8: TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ DMC.....	34
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	34
Điều 33. Người điều hành DMC.....	34
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	35
Điều 35. Người phụ trách quản trị DMC	36
CHƯƠNG 9: BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	37
Điều 37. Ban kiểm soát.....	38
Điều 38. Kiểm soát viên	39

CHƯƠNG 10: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	39
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	39
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
CHƯƠNG 11: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ DMC	42
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	42
CHƯƠNG 12: CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC	42
Điều 43. Công nhân viên, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác.....	42
CHƯƠNG 13: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	43
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	43
CHƯƠNG 14: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	43
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	43
Điều 46. Năm tài chính.....	44
Điều 47. Chế độ kế toán.....	44
CHƯƠNG 15: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	44
Điều 48. Báo cáo chính năm, sáu tháng và Quý	44
Điều 49. Báo cáo thường niên	45
CHƯƠNG 16: KIỂM TOÁN DMC.....	45
Điều 50. Kiểm toán	45
CHƯƠNG 17: QUAN HỆ GIỮA DMC VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.....	45
Điều 51. Quan hệ giữa DMC với công ty con	45
Điều 52. Quan hệ giữa DMC với công ty liên kết	47
Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp ở công ty con, công ty liên kết.....	47
CHƯƠNG 18: CON DẤU.....	48
Điều 54. Con dấu	48
CHƯƠNG 19: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	48
Điều 55. Chấm dứt hoạt động.....	48
Điều 56. Thanh lý	48
CHƯƠNG 20: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	49
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	49
CHƯƠNG 21: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	50
Điều 58. Điều lệ DMC	50
CHƯƠNG 22: NGÀY HIỆU LỰC.....	50
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	50

mu

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (dưới đây gọi tắt là “DMC”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - DMC.

Điều lệ này được xây dựng và sửa đổi, bổ sung căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCN VN) thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN VN thông qua ngày 29/6/2006;
- Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN VN thông qua ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP được Chính phủ nước CHXHCN VN ban hành ngày 6/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/9/2017;
- Quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí thành công ty cổ phần;
- Nghị quyết số 204b/NQ-DMC ngày 31/1/2008 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần DMC về việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty cổ phần DMC thành mô hình Công ty mẹ - con;

và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 26 tháng 4 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều lệ này thay thế bản Điều lệ được ban hành kèm theo Nghị quyết số 946/NQ - DMC ngày 12/5/2015 của Đại hội đồng cổ đông, gồm 22 chương, 59 Điều, cụ thể như sau:

CHƯƠNG 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. “DMC/Tổng công ty” có nghĩa là Công ty mẹ - Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa Phẩm Dầu khí - CTCP, bao gồm các Ban/Văn phòng thuộc Công ty mẹ - DMC và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.
- b. “Tập đoàn” có nghĩa là Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam.
- c. “PVN” có nghĩa là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- d. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài. *mu*

- e. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán của DMC quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
- f. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN VN thông qua ngày 26/11/2014.
- g. “Ngày thành lập” là ngày DMC được thành lập theo Quyết định số 182/TC-DK ngày 08/3/1990 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Dầu khí.
- h. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN VN thông qua ngày 22/6/2015.
- i. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN VN thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN VN thông qua ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- j. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là Thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.
- k. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là Thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- Không phải là người đang làm việc cho DMC, công ty con của DMC; không phải là người đã từng làm việc cho DMC, công ty con của DMC ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ DMC, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của DMC; là Người quản lý của DMC hoặc công ty con của DMC;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của DMC;
 - Không phải là người đã từng làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của DMC ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.
- l. “Người điều hành DMC” là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.
- m. “Người quản lý DMC” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh DMC ký kết giao dịch của DMC theo quy định tại Điều lệ này.
- n. “Những người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán.
- o. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- p. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của DMC. *mu*

- q. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của DMC.
- r. “Doanh nghiệp thành viên của DMC” (sau đây viết tắt là doanh nghiệp thành viên) là các doanh nghiệp do DMC sở hữu một trăm phần trăm (100%) vốn điều lệ, có cổ phần, vốn góp chi phối, hoặc giữ quyền chi phối.
- s. “Doanh nghiệp bị chi phối của DMC” (sau đây viết tắt là doanh nghiệp bị chi phối) là doanh nghiệp do DMC giữ quyền chi phối.
- t. “Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của DMC” có nghĩa là vốn góp hoặc cổ phần do DMC sở hữu chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó.
- u. “Quyền chi phối” là quyền của Tổng công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau:
- Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
 - Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối của doanh nghiệp đó;
 - Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả Thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;
 - Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
 - Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp chi phối và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.
- v. “Công ty con của DMC” là các doanh nghiệp có cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của DMC được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài.
- w. “Công ty liên kết” có nghĩa là doanh nghiệp do DMC giữ cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài.
- x. “Đơn vị hạch toán phụ thuộc” có nghĩa là chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của DMC.
- y. “Tổ chức lại DMC” là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của DMC.
- z. “Cơ cấu tổ chức quản lý của DMC” là cơ cấu tổ chức quản lý được quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.



- 1.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY CON, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA DMC

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, công ty con, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của DMC

2.1 Tên Tổng công ty:

- a. Tên tiếng Việt: Tổng công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP.
- b. Tên tiếng Anh: Drilling Mud Corporation.
- c. Tên viết tắt: DMC.

2.2 DMC là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3 Trụ sở đăng ký của DMC:

- Trụ sở chính: Tầng 6-7 Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84.24) 3 8562 861- (84.24) 3 5140350.
- Fax: (84.24) 3 8562552.
- E-mail: dmc@pvdmc.com.vn.
- Trang thông tin điện tử: pvdmc.com.vn.

2.4 DMC thực hiện chế độ kế toán độc lập, được mở tài khoản tại ngân hàng, có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng và hoạt động theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần và theo Điều lệ này.

2.5 Biểu tượng (logo): màu xanh da trời, ngọn lửa màu đỏ theo logo của PVN.

2.6 DMC có thể thành lập công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của DMC phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

2.7 Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, PVN là đại diện phần vốn Nhà nước tại DMC. PVN cử người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.8 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của DMC bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của DMC

3.1 Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của DMC.

3.2 Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 34 Điều lệ này.

CHƯƠNG 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DMC

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của DMC

4.1 Lĩnh vực kinh doanh của DMC

4.1.1 Lĩnh vực dịch vụ:

- a. Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ kỹ thuật dầu khí khác;
- b. Cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ hóa kỹ thuật gia tăng tuổi thọ công trình công nghiệp;
- c. Đánh giá tác động môi trường và đưa ra các biện pháp xử lý môi trường;
- d. Dịch vụ phân tích, thí nghiệm dung dịch khoan và hoá phẩm trong thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa dầu khí; Dịch vụ phân tích vật lý và hoá học của dầu thô (thành phần hoá học, điểm đông, tính chất lưu biến, độ nhớt...); Dịch vụ lưu trữ, bảo quản mẫu cho phân tích thể tích nước vỉa/dầu chứa ở điều kiện áp suất cao, nhiệt độ cao;
- e. Vệ sinh các phương tiện vận tải, tàu thuyền, kho hàng, thiết bị, máy móc công nghiệp, bồn bể, súc rửa tàu dầu và các phương tiện chứa dầu;
- f. Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- g. Xử lý môi trường và chuyển giao công nghệ xử lý môi trường;
- h. Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước;
- i. Thiết kế hệ thống xử lý nước thải công trình dân dụng, công nghiệp;
- j. Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- k. Thoát nước và xử lý nước thải;
- l. Tái chế phế liệu;
- m. Thu gom, xử lý, tái chế các loại phế liệu và chất thải của ngành dầu khí;
- n. Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- o. Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- p. Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- q. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- r. Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- s. Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- t. Cung ứng lao động tạm thời;
- u. Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

4.1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

fu

- a. Kinh doanh các hoá chất (trừ loại Nhà nước cấm), hoá phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành kinh tế;
- b. Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan;
- c. Xuất nhập khẩu hoá chất (trừ loại Nhà nước cấm), hoá phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác;
- d. Kinh doanh vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp;
- e. Kinh doanh vật liệu xây dựng phục vụ dầu khí và các ngành kinh tế;
- f. Kinh doanh khí đốt và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học;
- g. Bán buôn hóa chất công nghiệp;
- h. Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt nhựa Polypropylen và các sản phẩm có liên quan;
- i. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan: Dầu nhờn;
- j. Bán buôn nhựa đường và các loại nguyên liệu hóa chất phụ gia sản xuất nhựa đường; Bán buôn phôi sắt; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ, thuốc nhuộm, nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may;
- k. Bán buôn ga công nghiệp: ô xy, hydro, ni tơ,...
- l. Khai thác mỏ và sản xuất, mua bán khoáng sản trong và ngoài nước (trừ loại Nhà nước cấm), kinh doanh thiết bị, máy móc phục vụ cho ngành khai thác khoáng sản và các ngành công nghiệp khác;
- m. Lập đề án tìm kiếm, thăm dò khoáng sản; Thi công tìm kiếm, thăm dò khoáng sản;
- n. Kinh doanh dịch vụ kho bãi và vận chuyển (logistics);
- o. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- p. Xây dựng và kinh doanh cao ốc;
- q. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- r. Kinh doanh các loại phân bón sản xuất trong và ngoài nước;
- s. Đại lý phân phối và kinh doanh các sản phẩm hàng tiêu dùng, đồ điện gia dụng, hàng hoá vật tư thiết bị, điện máy, điện tử;
- t. Đại lý bảo hiểm về lĩnh vực bảo hiểm xe, máy móc, con người;
- u. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng công ty kinh doanh.

4.1.3 Lĩnh vực sản xuất:

- a. Sản xuất các loại hoá chất (trừ các loại Nhà nước cấm), hoá phẩm, nguyên liệu và các thiết bị phục vụ cho nghiên cứu chuyên giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- b. Sản xuất ga công nghiệp: ô xy, hydro, ni tơ,...

4.2 Mục tiêu hoạt động của DMC

- a. Huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký;
- b. Không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông, thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển DMC;
- c. Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động


- 5.1 DMC được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của DMC.
- 5.2 DMC có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG 4: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

- 6.1 Vốn điều lệ của DMC là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của DMC được chia thành 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

- 6.2 DMC có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.3 Các cổ phần của DMC vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này.
- 6.4 DMC có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.5 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong DMC, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị DMC quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
- 6.6 DMC có thể mua cổ phần do chính DMC đã phát hành theo những cách thức theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Cổ phần do DMC mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này. 

6.7 DMC có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

7.1 Cổ đông của DMC được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

7.2 Cổ phiếu là chứng chỉ do DMC phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của DMC. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

7.3 Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của DMC hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu của DMC, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho DMC chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

7.4 Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho DMC.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của DMC được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của DMC.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

9.1 Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Phương án phát hành cổ phần hoặc pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu DMC được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Việc chuyển nhượng cổ phần của DMC theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9.2 Trong trường hợp cổ đông chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của DMC. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

9.3 Trong trường hợp cổ đông là tổ chức, pháp nhân giải thể hoặc phá sản hoặc sáp nhập hoặc chia, tách, việc sở hữu các cổ phần sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

9.4 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. fu.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

- 10.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho DMC.
- 10.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 10.3 Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
- 10.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3, Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 10.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi phát sinh theo tỷ lệ (không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 10.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT


Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của DMC bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.
- d. Tổng Giám đốc;

CHƯƠNG 6: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

- 12.1 Cổ đông là người chủ sở hữu DMC, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của DMC trong phạm vi số vốn đã góp vào DMC. 

12.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ DMC, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- h. Trường hợp DMC giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại DMC sau khi DMC đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của DMC theo quy định của pháp luật;
- i. Yêu cầu DMC mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
- j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

12.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- k. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
- l. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- m. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
- n. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- o. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của DMC khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của DMC; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; *pu*

p. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 13.1 Tuân thủ Điều lệ DMC và các Quy chế của DMC; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 13.2 Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 13.3 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
- 13.4 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
- 13.5 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi DMC dưới mọi hình thức, trừ trường hợp DMC hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong DMC phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DMC trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 13.6 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 13.7 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh DMC dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với DMC.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

- 14.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của DMC. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 14.2 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính

năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm của DMC có các khoản ngoại trừ trọng yếu, DMC có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

14.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của DMC;
- b. Báo cáo tài chính Quý, sáu (06) tháng hoặc Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số Thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) số Thành viên quy định trong Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 12.3, Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

14.4 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c, Khoản 14.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, điểm e Khoản 14.3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d, Khoản 14.3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. *jm*

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được DMC hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

15.1 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển DMC;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Quyết định số lượng Thành viên của Hội đồng quản trị;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Quyết định tổng số tiền thù lao của các Thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ DMC;
 - h. Thông qua Báo cáo tài chính năm;
 - i. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể DMC;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho DMC và các cổ đông của DMC;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của DMC được ghi trong Báo cáo tài chính kỳ gần nhất;
 - m. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - n. Chấp thuận việc DMC ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của DMC được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của DMC theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 15.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:
- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của DMC;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và của từng Thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của DMC, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
- 15.3 Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này, các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông có thể được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- 15.4 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm n, Khoản 15.1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
- 15.5 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

- 16.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.
- 16.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của DMC và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, Người đại diện theo pháp luật của tổ chức và cá nhân, Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 16.3 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với DMC).

16.4 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 16.3 Điều này, Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều Khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp DMC nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

17.1 Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.


17.2 Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 17.1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

17.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Điều lệ này.

17.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của DMC sẽ không bị thay đổi khi DMC phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

18.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c, Khoản 14.4, Điều 14 Điều lệ này.

18.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây: 

- a. Chuẩn bị Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
- 18.3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của DMC, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của DMC. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 18.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 12.3, Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho DMC ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 18.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 18.4 Điều này trong các trường hợp sau: *fn*

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 12.3, Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 19.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 19.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 19.3 Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- 19.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 18.3, Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 20.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, DMC phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 20.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, DMC sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị

của Chủ tọa. Số thành viên Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- 20.3 Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 20.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- 20.5 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 20.6 Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- 20.7 Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8, Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
- 20.8 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.
- 20.9 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức khác.

20.10 Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

- a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều Khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều Khoản này.

20.11 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm DMC phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

21.1 Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của DMC;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của DMC;
- e. Tổ chức lại, giải thể DMC;
- f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ DMC;
- g. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của DMC được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất.

21.2 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 21.1 và Khoản 21.3 Điều này.

21.3 Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu

của Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ DMC. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

- 21.4 Những nội dung thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại Khoản 2, Điều 143 Luật Doanh nghiệp và tại Khoản 21.1 và Khoản 21.2 Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.
- 21.5 Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 22.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của DMC.
- 22.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình có thể được gửi dưới các hình thức: fax/email/gửi qua bưu điện đảm bảo đến được địa chỉ đã đăng ký của các cổ đông và đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của DMC. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến.
- 22.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của DMC;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ

căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về DMC Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của DMC.

22.4 Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về DMC theo các hình thức sau:

Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về DMC phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về DMC qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các Phiếu lấy ý kiến gửi về DMC sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

22.5 Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành DMC. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số Phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số Phiếu biểu quyết hợp lệ và số Phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức biểu quyết kèm theo Phụ lục Danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số Phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của DMC, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các Thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

14

- 22.6 Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu, biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của DMC theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đến các cổ đông được thực hiện thông qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của DMC.
- 22.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của DMC.
- 22.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 23.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, Phụ lục Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

fu

- 23.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 23.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của DMC trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông được thực hiện thông qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của DMC.
- 23.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 23.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Phụ lục Danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của DMC.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông


Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 12.3, Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 24.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 21.5, Điều 21 của Điều lệ này.
- 24.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ DMC.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG 7: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị

- 25.1 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của DMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: 

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác; các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho DMC, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị của DMC;
 - f. Các lợi ích có liên quan tới DMC (nếu có);
 - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - h. Các thông tin khác (nếu có).
- 25.2 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- 25.3 Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do DMC quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị

26.1 Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

26.2 Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị có thể bầu ra một hoặc một số Thành viên Hội đồng quản trị hoạt động chuyên trách để thực hiện các công việc chuyên môn của Hội đồng quản trị. Quyền hạn và nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị quy định.

26.3 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và Thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho DMC với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 26.4 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 26.5 Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của DMC.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 27.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của DMC phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện quyền và nghĩa vụ của DMC trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 27.2 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này, các Quy chế nội bộ của DMC và Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của DMC;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - e. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của DMC, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm l và điểm n, Khoản 15.1, Điều 15 của Điều lệ này.
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của DMC;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản DMC;

- h. Quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, bán phần vốn góp, mua/bán cổ phần của doanh nghiệp khác;
- i. Quyết định việc tiếp nhận các doanh nghiệp tự nguyện tham gia liên kết với DMC;
- j. Phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của DMC. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc ban hành một số Quy chế quản lý trong trường hợp cần thiết để điều hành hoạt động của DMC;
- k. Duyệt nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị DMC và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và quyết định mức lương của họ. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành khác;
- m. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DMC nắm một trăm phần trăm (100%) vốn điều lệ theo đề nghị của Tổng Giám đốc DMC;
- n. Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay Người điều hành khác hoặc Người đại diện của DMC khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của DMC. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- o. Cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn của DMC tại các doanh nghiệp thành viên và thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của DMC theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật;
- p. Giải quyết các khiếu nại của DMC đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của DMC để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
- q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- r. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo quản trị DMC lên Đại hội đồng cổ đông;
- s. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- t. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- u. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

fu

- v. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- w. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

27.3 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2, Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của DMC;
- b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được DMC uỷ nhiệm là đại diện thương mại hoặc Luật sư của DMC;
- c. Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của DMC;
- d. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- e. Quỹ lương kế hoạch hàng năm của DMC;
- f. Việc định giá các tài sản góp vào DMC không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của DMC, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- g. Quyết định việc DMC mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;
- h. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của DMC;
- i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

27.4 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo tài chính hàng năm của DMC bị coi là không có giá trị và chưa được thông qua.

27.5 Trừ khi luật pháp và Điều lệ này quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và Người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho DMC.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị

28.1 Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận tiền lương hoặc thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là Thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức tiền lương cụ thể của từng Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách thực hiện theo Quy chế Tiền lương, tiền thưởng của DMC.

fn

- 28.2 Tổng số tiền lương, thù lao trả cho các Thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của DMC.
- 28.3 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 28.4 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 29.1 Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các Thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông và pháp luật quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Tổng Giám đốc của DMC.
- 29.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có những quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 29.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo hoạt động của DMC, Báo cáo kiểm toán và Báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 29.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
- 29.5 Thay mặt Hội đồng quản trị ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 29.6 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- 29.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 29.8 Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 29.9 Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư có quy mô thuộc quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. *mu*

- 29.10 Các quyền khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và Điều lệ này.
- 29.11 Có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 30.1 Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một Thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 30.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi Quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- 30.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận:
- a. Ban Kiểm soát.
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) Thành viên Hội đồng quản trị;
- 30.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 30.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với DMC; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được nêu tại Khoản 30.3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 30.5 Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của DMC, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về Báo cáo kiểm toán và tình hình DMC.
- 30.6 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của DMC hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 30.7 Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các Thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể thay đổi hoặc huỷ bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề

thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các Phiếu biểu quyết của Thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư/fax/thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại DMC.

30.8 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số Thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện (Người được ủy quyền) nếu được đa số Thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không có đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số Thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

30.9 Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng Thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất Thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp;

30.10 Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả Thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

30.11 Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử. Trường hợp gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả Thành viên dự họp.

30.12 Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, mỗi Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 30.8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) Phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà Thành viên đó hoặc người liên quan tới Thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của DMC.

Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà Thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của Thành viên Hội đồng quản trị mà Thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b, Khoản 40.5, Điều 40 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 30.13 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với DMC và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với DMC, Thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
- 30.14 Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số Thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số Phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 30.15 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số Thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số Phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
- 30.16 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.
- 30.17 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người điều hành khác trong DMC, Người điều hành trong các công ty con do DMC nắm một trăm phần trăm (100%) vốn điều lệ, Người đại diện phần vốn góp của DMC tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo Quy chế thông tin do Hội đồng

quản trị quy định hoặc theo nghị quyết của Hội đồng quản trị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng quản trị.

- 30.18 Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài DMC trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của DMC.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 31.1 Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban tài chính và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm một (01) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban tài chính. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- 31.2 Trường hợp không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban tài chính..., Hội đồng quản trị có thể phân công Thành viên độc lập/Thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, tài chính...
- 31.3 Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của Thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị được cử phụ trách về nhân sự, tài chính...

CHƯƠNG 8: TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ DMC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của DMC phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của DMC. DMC có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành DMC

- 33.1 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, DMC được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và Quy chế quản lý của DMC do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ DMC đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 33.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. *fu*

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

- 34.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) Thành viên Hội đồng hoặc một (01) người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của DMC.
- 34.2 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là những người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các Quy định nội bộ của DMC.
- 34.3 Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ:
- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của DMC đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của DMC mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt DMC ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của DMC theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng Người điều hành khác mà DMC cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo Quy chế nội bộ của DMC và kiến nghị thù lao, tiền lương, lợi ích khác đối với Người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - d. Tổ chức xây dựng và trình Hội đồng quản trị: chiến lược phát triển của DMC; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành nghề do DMC kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm của DMC; các phương án huy động và sử dụng vốn; chuẩn bị các dự án đầu tư; phân bổ các nguồn lực; phương án cơ cấu tổ chức, quản lý; Điều lệ, sửa đổi Điều lệ DMC; các Quy chế quản lý nội bộ của DMC; quỹ lương kế hoạch hàng năm của DMC; Báo cáo tài chính của DMC và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Xây dựng, ban hành và kiểm tra thực hiện hệ thống chỉ tiêu, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, chất lượng sản phẩm;
 - f. Ban hành các Quy chế quản lý nội bộ của DMC theo ủy quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định các dự án đầu tư, bán tài sản, các hợp đồng vay, cho vay, cho thuê và hợp đồng khác theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Hội đồng quản trị và các quy định khác của pháp luật;

- h. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của DMC để góp vốn, mua cổ phần của các công ty trong nước theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Hội đồng quản trị;
 - i. Quyết định tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, lương và phụ cấp đối với các chức danh theo phân cấp của Hội đồng quản trị;
 - j. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - k. Ký kết các hợp đồng thương mại, dân sự trong phạm vi thẩm quyền. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Tổng Giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - l. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện phân vốn góp của DMC ở doanh nghiệp khác;
 - m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng Quý của DMC (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng Quý của DMC theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy định nội bộ của DMC;
 - n. Vào Quý IV hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - o. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của DMC;
 - p. Được áp dụng các biện pháp cần thiết, vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp, và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan;
 - q. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ này và theo quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động ký với DMC.
- 34.4 Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 34.5 Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số Thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Người phụ trách quản trị DMC

- 35.1 Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị DMC để hỗ trợ hoạt động quản trị DMC được tiến hành một cách có hiệu quả.

Người phụ trách quản trị DMC có thể kiêm nhiệm làm Thư ký DMC theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị DMC tùy từng thời điểm. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị DMC do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

35.2 Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; trung thực, cẩn trọng, mẫn cán;
 - b. Có hiểu biết về pháp luật;
 - c. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của DMC;
 - d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị DMC khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

35.3 Người phụ trách quản trị DMC có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa DMC và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho Thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của DMC.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG 9: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

36.1 Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 25.1, Điều 25 Điều lệ này.

36.2 Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi

lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- 36.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do DMC quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Ban kiểm soát

37.1 Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165, Điều 166 của Luật Doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của DMC;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính DMC, tính hợp pháp trong các hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ DMC của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 37.2 Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của DMC theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị DMC phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và Thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và Thành viên Hội đồng quản trị.
- 37.3 Ban Kiểm soát ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
- 37.4 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

Điều 38. Kiểm soát viên

- 38.1 Số lượng Kiểm soát viên của DMC là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 38.2 Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của DMC;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của DMC trong ba (03) năm liên trước đó.
- 38.3 Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại DMC. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- 38.4 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 38.5 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG 10: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với

tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của DMC.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 40.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- 40.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho DMC vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 40.3 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của DMC mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- 40.4 Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, DMC không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các Thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hoặc là công ty con của DMC và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
- 40.5 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa DMC với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác hoặc có tổ chức, cá nhân có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là Thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của DMC, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những Thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất DMC, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của DMC vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của DMC hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 41.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 41.2 DMC bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do DMC là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được DMC uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của DMC với tư cách Thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành DMC, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của DMC với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của DMC, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
- 41.3 Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của DMC, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành DMC, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của DMC được DMC bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do DMC là người khởi kiện) trong các trường hợp sau đây:
- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của DMC;
 - b. Tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 41.4 Những chi phí bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. DMC có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. *mu*


CHƯƠNG 11: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ DMC

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 42.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 12.3, Điều 12 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của DMC. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo bản chính giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 42.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của DMC, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của DMC vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 42.3 DMC sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các Quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 42.4 Điều lệ này được công bố trên trang thông tin điện tử của DMC.

CHƯƠNG 12: CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC

Điều 43. Công nhân viên, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác

- 43.1 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành khác.
- 43.2 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến mối quan hệ của DMC với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của DMC và quy định pháp luật hiện hành.
- 43.3 Tổ chức Đảng Cộng sản tại DMC hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước CHXHCN VN và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 43.4 Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác tại DMC hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.
- 43.5 DMC tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, Điều lệ của mình. 

CHƯƠNG 13: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

- 44.1 Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của DMC.
- 44.2 DMC không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 44.3 Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 44.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, DMC sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp DMC đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, DMC không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền DMC chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
- 44.5 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 44.6 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 14: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

- 45.1 DMC mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 45.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, DMC có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 45.3 DMC tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà DMC mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của DMC bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó. *fn*

Điều 47. Chế độ kế toán

- 47.1 Chế độ kế toán DMC sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 47.2 DMC lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. DMC lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà DMC tham gia theo đúng quy định của pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của DMC.
- 47.3 DMC sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam. Trường hợp DMC có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG 15: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo chính năm, sáu tháng và Quý

- 48.1 DMC phải lập bản Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, DMC phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 48.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của DMC trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của DMC cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài Báo cáo tài chính năm, DMC phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán.
- 48.3 DMC phải lập và công bố Báo cáo sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính Quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 48.4 Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và Báo cáo tài chính Quý của DMC được công bố trên trang thông tin điện tử của DMC.
- 48.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Báo cáo sáu tháng được soát xét và Báo cáo tài chính Quý trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của DMC và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp. *pv*

Điều 49. Báo cáo thường niên

DMC phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 16: KIỂM TOÁN DMC

Điều 50. Kiểm toán

- 50.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của DMC cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. DMC phải chuẩn bị và gửi Báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 50.2 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 50.3 Bản sao của Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm với Báo cáo tài chính năm của DMC.
- 50.4 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán DMC được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm của DMC.
- 50.5 PVN thực hiện công tác kiểm toán nội bộ hằng năm tại DMC khi PVN nắm cổ phần chi phối.

CHƯƠNG 17: QUAN HỆ GIỮA DMC VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 51. Quan hệ giữa DMC với công ty con

- 51.1 Quan hệ giữa DMC với công ty con là công ty TNHH 1TV (100% vốn DMC):

DMC là chủ sở hữu đối với công ty con là công ty TNHH 1TV do DMC thành lập. DMC thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH 1TV theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định của pháp luật liên quan.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, Hội đồng Quản trị có quyền:

- a. Phê chuẩn việc thành lập công ty con TNHH 1TV, Điều lệ công ty con TNHH 1TV và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty con TNHH 1TV theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

- b. Ban hành Quy chế quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc liên quan đến việc thực hiện quyền của chủ sở hữu tại công ty con TNHH 1TV;
 - c. Căn cứ vào sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc trong phạm vi quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ này, Tổng Giám đốc ký ban hành các Quy định, Quy chế hoặc văn bản với tư cách là đại diện của chủ sở hữu tại công ty con TNHH 1TV.
- 51.2 Quan hệ giữa DMC với công ty con có vốn góp chi phối của DMC (công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên):
- a. DMC thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông chi phối tại công ty con bị chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty con bị chi phối;
 - b. DMC trực tiếp quản lý vốn góp chi phối ở công ty con bị chi phối thông qua Người đại diện phần vốn góp của DMC;
 - c. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Hội đồng Quản trị có quyền phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức Người đại diện phần vốn góp của DMC ở công ty con bị chi phối;
 - d. Căn cứ vào sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc trong phạm vi quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ này, Tổng Giám đốc ký ban hành các Quy định, Quy chế hoặc văn bản liên quan đến Người đại diện phần vốn góp của DMC tại các công ty con bị chi phối.
- 51.3 Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thoả thuận với công ty con, gây thiệt hại cho công ty con thì DMC phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty đó:
- a. Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng không bình đẳng và bất lợi đối với công ty này;
 - b. Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con là công ty TNHH 1TV do DMC nắm giữ 100% vốn điều lệ theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại công ty;
 - c. Quyết định các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đối với công ty con trái với Điều lệ và pháp luật, giao nhiệm vụ của DMC cho công ty con, công ty liên kết, công ty tự nguyện tham gia liên kết không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp này;
 - d. Buộc công ty con cho DMC hoặc công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để DMC, công ty con khác thực hiện các hợp đồng có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty đó.
- 51.4 Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa DMC với công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ

thể pháp lý độc lập. Các mối quan hệ cụ thể giữa DMC với công ty con và ngược lại sẽ được thể hiện trong các Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với từng đơn vị và được Hội đồng quản trị phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

51.5 Tên gọi của các công ty con của DMC phải phù hợp với tên gọi của DMC, thể hiện được thương hiệu của DMC theo quy định thống nhất của DMC, mang đặc trưng ngành nghề và văn hoá DMC. Thương hiệu của DMC có thể được định giá thành tiền để chuyển thành vốn góp của DMC vào vốn điều lệ của các đơn vị thành viên.

51.6 Các quyền và nghĩa vụ cụ thể khác của DMC đối với các công ty con được quy định tại Điều lệ này và Điều lệ của các công ty đó.

51.7 Các công ty con hạch toán, báo cáo, quản lý theo Điều lệ và các Quy chế của công ty và DMC.

Điều 52. Quan hệ giữa DMC với công ty liên kết

52.1 DMC thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết, tự nguyện tham gia liên kết theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ của các công ty đó. Quan hệ của DMC với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thoả thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thoả thuận khác.

52.2 Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với DMC và các đơn vị thành viên khác theo thoả thuận liên kết giữa công ty đó với DMC.

Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp ở công ty con, công ty liên kết

53.1 Người đại diện phần vốn góp của DMC ở công ty con, công ty liên kết là người do DMC cử làm đại diện phần vốn góp của DMC ở công ty con, công ty liên kết. Người đại diện phần vốn góp của DMC ở công ty con, công ty liên kết có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong công ty con, công ty liên kết;
- b. Tham gia ứng cử hoặc đề cử người đại diện của DMC vào bộ máy quản lý điều hành của công ty con, công ty liên kết theo quy định của Điều lệ, Quy chế của công ty con, công ty liên kết;
- c. Thực hiện chế độ báo cáo cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc DMC về tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, kết quả hoạt động của công ty con, công ty liên kết và hiệu quả sử dụng phần vốn góp của DMC;
- d. Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc DMC trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty con, công ty liên kết theo quy định của DMC; *fu*

- e. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc DMC về hiệu quả sử dụng vốn góp của DMC tại các công ty con, công ty liên kết mà mình được cử làm đại diện;
 - f. Tiền lương, phụ cấp, thưởng và quyền lợi của Người đại diện phần vốn góp của DMC ở doanh nghiệp khác do DMC chi trả hoặc doanh nghiệp đó chi trả theo quy định trong Điều lệ doanh nghiệp;
 - g. Người đại diện phần vốn của DMC ở doanh nghiệp khác không được cùng lúc hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ khác ở cả hai nơi.
- 53.2 Hội đồng quản trị DMC ban hành Quy chế phân cấp cho Người đại diện phần vốn của DMC tại các công ty con, công ty liên kết.

CHƯƠNG 18: CON DẤU

Điều 54. Con dấu


- 54.1 Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của DMC và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 54.2 Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 19: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

- 55.1 DMC có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
- a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 55.2 Việc giải thể DMC trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

- 56.1 Sau khi có quyết định giải thể DMC, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên DMC hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được DMC ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của DMC.
- 56.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt DMC trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý DMC trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 56.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: 

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của DMC;
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG 20: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

57.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của DMC hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với DMC;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu PVN chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

57.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền.

57.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG 21: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ DMC

58.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

58.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của DMC chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những Điều Khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của DMC.

fn

CHƯƠNG 22: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

59.1 Bản Điều lệ này gồm 22 Chương 59 Điều, được Đại hội đồng cổ đông DMC nhất trí thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

59.2 Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước; 01 bản gửi Sở Giao dịch Chứng khoán; 01 bản gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b. 02 bản lưu trữ tại trụ sở chính của DMC.

59.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của DMC.

59.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ DMC phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc mới có giá trị.



